

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước Cộng*hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 12249
	Giờ: Ngày 15 tháng 4 năm 11

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Liên	Chủ tịch
Ông Phạm Việt Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2010)
Ông Tạ Đức Tiến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2010)
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Thành viên
Ông Đỗ Minh Toàn	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Hòa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2010)
Ông Đồng Anh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2010)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Việt Anh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2010)
Ông Tạ Đức Tiến	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2010)
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tuấn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2011



Số: 347 /2011/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") từ trang 3 đến trang 23.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Nếu Tổng Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái", lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ tăng 19.444.998.961 đồng (năm 2009: giảm 54.249.844.445 đồng) và khoản mục "chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và 31 tháng 12 năm 2009 sẽ có số dư bằng không.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập chỉ nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Đây là báo cáo tài chính riêng, nên Tổng Công ty đã hạch toán các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo phương pháp giá gốc.



Lê Đình Từ
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 8 tháng 4 năm 2011

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Vũ Đại Trọng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.522.538.737.545	935.153.376.718
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	321.405.672.413	420.391.367.082
1. Tiền	111		271.405.672.413	82.391.367.082
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	338.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	31.440.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	31.440.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.125.266.139.945	437.280.585.757
1. Phải thu khách hàng	131		649.412.291.870	276.023.227.197
2. Trả trước cho người bán	132		20.279.142.439	16.626.221.980
3. Các khoản phải thu khác	135		463.573.167.427	149.024.961.311
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.998.461.791)	(4.393.824.731)
IV. Hàng tồn kho	140		38.843.679.166	31.771.602.080
1. Hàng tồn kho	141	6	38.843.679.166	31.771.602.080
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		37.023.246.021	14.269.821.799
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.645.932.539	12.531.392.034
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.206.568.192	50.235.774
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	7	29.014.511.582	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.156.233.708	1.688.193.991
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.313.120.702.745	3.848.170.689.771
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.735.642.009.772	1.602.177.574.485
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	1.735.642.009.772	1.602.177.574.485
II. Tài sản cố định	220		1.157.734.549.533	1.011.844.735.748
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.154.021.568.370	1.009.152.590.921
- Nguyên giá	222		2.077.490.366.132	1.824.094.308.360
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(923.468.797.762)	(814.941.717.439)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	222.670.046	154.176.776
- Nguyên giá	228		569.704.500	417.854.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(347.034.454)	(263.677.724)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	3.490.311.117	2.537.968.051
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.306.549.995.016	1.108.538.125.890
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	1.352.481.126.335	1.073.847.861.739
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	29.000.000.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	13	55.948.767.300	10.011.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(101.879.898.619)	(4.320.735.849)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		113.194.148.424	125.610.253.648
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	109.921.697.166	123.270.158.370
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	697.860.545	566.895.278
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.574.590.713	1.773.200.000
TỔNG TÀI SẢN	270		5.835.659.440.290	4.783.324.066.489

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.437.394.636.508	3.260.069.606.575
I. Nợ ngắn hạn	310		1.391.608.172.488	1.337.988.645.329
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	609.427.583.521	370.793.875.967
2. Phải trả người bán	312		628.549.355.887	342.378.629.374
3. Người mua trả tiền trước	313		52.524.941	19.108.600
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	1.697.116.031	10.992.887.224
5. Phải trả người lao động	315		8.787.184.830	8.360.428.050
6. Chi phí phải trả	316		63.537.482.002	67.833.878.289
7. Phải trả nội bộ	317		173.070.000	7.549.360.774
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		76.335.481.466	528.457.149.757
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.048.373.810	1.603.327.294
II. Nợ dài hạn	330		2.045.786.464.020	1.922.080.961.246
1. Vay và nợ dài hạn	334	19	2.045.650.162.296	1.921.911.217.696
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		136.301.724	169.743.550
B. NGUỒN VỐN	400		2.398.264.803.782	1.523.254.459.914
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	2.398.264.803.782	1.523.254.459.914
1. Vốn chủ sở hữu	411		2.326.000.000.000	1.476.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(34.804.845.484)	(54.249.844.445)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.718.370.173	18.718.370.173
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.246.059.852	3.430.487.965
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.189.548.777	1.199.727.349
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		75.915.670.464	78.155.718.872
TỔNG NGUỒN VỐN	440		5.835.659.440.290	4.783.324.066.489

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoài lệ các loại

Đô la Mỹ

Euro

Thuyết minh

31/12/2010

31/12/2009

143.215

681.368

441

2.598



Phạm Việt Anh

Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2011

 Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**Mẫu B 02-DN**

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2010	2009
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	2.298.643.928.364	1.122.191.850.804
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.298.643.928.364	1.122.191.850.804
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	22	(2.102.714.106.084)	(1.015.291.741.131)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		195.929.822.280	106.900.109.673
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	80.264.831.273	40.946.292.382
7. Chi phí tài chính	22	24	(212.261.253.474)	(67.638.427.404)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(37.490.223.333)	(32.137.605.095)
8. Chi phí bán hàng	24		(18.571.767.635)	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(38.319.818.047)	(37.111.866.657)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		7.041.814.397	43.096.107.994
11. Thu nhập khác	31	25	205.618.048.297	11.160.288.999
12. Chi phí khác	32	25	(203.037.182.938)	-
13. Lợi nhuận khác	40	25	2.580.865.359	11.160.288.999
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.622.679.756	54.256.396.993
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	(156.335.600)	(9.163.206.207)
16. Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52	16	130.965.267	(2.427.962.385)
17. Lợi nhuận sau thuế	60		9.597.309.423	42.665.228.401



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**Mẫu B 03-DN**

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.622.679.756	54.256.396.993
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	111.033.350.045	93.391.069.535
Các khoản dự phòng	03	101.163.799.830	6.370.641.600
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	41.962.380.391	5.310.435.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(73.597.573.240)	(24.774.050.721)
Chi phí lãi vay	06	37.490.223.333	32.137.605.095
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	227.674.860.115	166.692.097.502
Tăng các khoản phải thu	09	(631.385.447.725)	(512.526.221.121)
Tăng hàng tồn kho	10	(7.072.077.086)	(20.538.540.291)
Tăng các khoản phải trả	11	505.261.123.458	593.232.633.444
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	20.585.338.095	(128.339.246.296)
Tiền lãi vay đã trả	13	(118.161.517.144)	(88.736.375.872)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(31.334.807.095)	(26.607.129.444)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(673.901.585)	(2.345.836.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(35.106.428.967)	(19.168.619.076)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(459.697.948.469)	(2.777.288.996)
2. Tiền chi cho vay	23	(987.382.422.223)	-
3. Tiền thu hồi cho vay	24	1.018.822.422.223	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(264.411.637.300)	(431.731.127.153)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	20.400.000.000	60.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	75.820.301.018	21.785.322.943
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(596.449.284.751)	(352.723.093.206)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phần	31	350.205.340.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	480.473.000.000	1.225.264.364.907
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(298.110.339.734)	(1.025.516.848.750)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(563.600)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	532.567.436.666	199.747.516.157
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(98.988.277.052)	(172.144.196.125)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	420.391.367.082	592.535.563.207
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	2.582.383	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	<u>321.405.672.413</u>	<u>420.391.367.082</u>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Một phần cổ phần phát hành thêm trong năm, trị giá 499.794.660.000 đồng của Tổng Công ty được thanh toán bằng việc bù trừ với công nợ phải trả. Số cổ phần này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển trong năm nên không được trình bày trong báo cáo trên đây.

Một phần khoản đầu tư vào đơn vị khác trong năm với số tiền là 51.559.394.596 đồng của Tổng Công ty được thanh toán bằng việc bù trừ với công nợ phải thu. Do đó, số tiền này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển trong năm nên không được trình bày trong báo cáo trên đây.



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 4 năm 2011


Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Tổng Công ty là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 ngày 7 tháng 5 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 360 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 258 người).

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty; vì thế, Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư này yêu cầu doanh nghiệp trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Máy móc thiết bị
Thiết bị văn phòng
Phương tiện vận tải

5 năm
3 - 7 năm
6 - 12 năm

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm khoản đầu tư vào các công ty con và các khoản đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các năm tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa lớn và duy tu tàu, chi phí thuê văn phòng, chi phí bảo hiểm tàu và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá các khoản mục này được hạch toán như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Phương pháp hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Nếu hạch toán chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ tăng 19.444.998.961 đồng (năm 2009: giảm 54.249.844.445 đồng) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và 31 tháng 12 năm 2009 sẽ có số dư bằng không.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt	541.290.331	389.946.276
Tiền gửi ngân hàng	270.864.382.082	82.001.420.806
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	338.000.000.000
	321.405.672.413	420.391.367.082

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn ba tháng bằng Việt Nam đồng tại ngân hàng với lãi suất 12,5%/năm.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	38.843.679.166	31.736.908.080
Công cụ, dụng cụ	-	34.694.000
	38.843.679.166	31.771.602.080

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	6.366.468	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.008.145.114	-
	29.014.511.582	-

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	145.435.468.859	163.172.100.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	1.420.931.117.181	1.439.005.474.485
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	169.275.423.732	-
	1.735.642.009.772	1.602.177.574.485

Các khoản phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan, không có đảm bảo và không chịu lãi suất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2010	17.428.571	4.416.331.394	1.819.660.548.395	1.824.094.308.360
Tăng trong năm	-	612.912.318	457.956.280.235	458.569.192.553
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(204.846.280.235)	(204.846.280.235)
Điều chỉnh	-	(326.854.546)	-	(326.854.546)
Tại ngày 31/12/2010	<u>17.428.571</u>	<u>4.702.389.166</u>	<u>2.072.770.548.395</u>	<u>2.077.490.366.132</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ				
Tại ngày 1/1/2010	(13.238.607)	(2.500.404.237)	(812.428.074.595)	(814.941.717.439)
Khấu hao trong năm	(4.189.964)	(869.909.633)	(110.075.893.718)	(110.949.993.315)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.422.912.992	2.422.912.992
Tại ngày 31/12/2010	<u>(17.428.571)</u>	<u>(3.370.313.870)</u>	<u>(920.081.055.321)</u>	<u>(923.468.797.762)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	<u>-</u>	<u>1.332.075.296</u>	<u>1.152.689.493.074</u>	<u>1.154.021.568.370</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>4.189.964</u>	<u>1.915.927.157</u>	<u>1.007.232.473.800</u>	<u>1.009.152.590.921</u>

Tổng Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với nguyên giá là 1.067.377.500.000 đồng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá lần lượt là 17.428.571 đồng, 3.867.254.400 đồng và 1.638.857.648 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: lần lượt là 0 đồng, 3.867.254.400 đồng và 1.392.228.826 đồng).

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Phần mềm
kế toán
VNĐ

NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1/1/2010	417.854.500
Tăng trong năm	<u>151.850.000</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>569.704.500</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ	
Tại ngày 1/1/2010	(263.677.724)
Khấu hao trong năm	<u>(83.356.730)</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>(347.034.454)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2010	<u>222.670.046</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>154.176.776</u>

Phần mềm kế toán bao gồm cả một số phần mềm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 219.460.150 đồng, không thay đổi so với cuối năm 2009.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2010	2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 1 tháng 1	2.537.968.051	1.044.634.051
Tăng	976.905.916	1.493.334.000
Điều chỉnh khác	(24.562.850)	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>3.490.311.117</u>	<u>2.537.968.051</u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện khoản chi phí đầu tư vào dự án Cảng Dung Quất của Tổng Công ty.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu về vốn	Quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	92 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu.	95%	95%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, tuyển dụng, đào tạo và cung ứng thuyền viên, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, và các mặt hàng phục vụ đời sống dân sinh.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	96 Nguyễn Du, Hà Nội	97%	97%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyển dụng và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, lữ hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học và mua bán thiết bị tin học.
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Tầng 4, Tòa nhà H3, 384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	54%	54%	Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển, đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý hàng hải, dịch vụ môi giới, cung ứng, sửa chữa tàu biển và cho thuê phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Tầng 4, Tòa nhà H3, 384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	51%	65%	Kinh doanh vận tải dầu thô, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển.
Công ty Cổ phần Sản phẩm khí Quốc tế	12 AB Thanh Đa, phường 17, quận Bình	73%	65%	Kinh doanh mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển,

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

	Thanh, thành phố Hồ Chí Minh			dịch vụ : đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.
Công ty TNHH một thành viên Vận tải Dầu khí Đông Dương	A55, Ngõ 61 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	39%	73%	Kinh doanh vận tải bằng ô tô dưới các hình thức vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, vận tải hàng hóa, xăng dầu, gas; kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng; kinh doanh gas: chế tạo, sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản: đầu tư, tạo lập, mua, nhận chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản để bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, cho thuê mua bất động sản.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long	18 Nguyễn Cửu Vân, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	23%	60%	Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi theo hợp đồng, theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa; mua bán phương tiện, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành giao. thông vận tải, sản phẩm gas LPG, CNG, LNG; đại lý kinh doanh xăng dầu; dịch vụ hoán cải phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng; kinh doanh nhà hàng, khách sạn; kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; kinh doanh bãi đỗ xe, trạm dừng; đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhà máy thủy điện; kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải biển và mua bán phần bốn.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	Lầu 8, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, Quận 1, TPHCM	54%	54%	Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dạy nghề, chuẩn bị mặt bằng

Chi tiết số vốn đã góp vào các công ty con tại ngày kết thúc niên độ kế toán của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	76.000.000.000	77.446.885.639
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	71.067.536.335	18.061.256.100
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	205.632.000.000	205.632.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	612.000.000.000	612.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	219.204.000.000	70.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	38.670.000.000	38.670.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long	52.037.720.000	52.037.720.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	77.869.870.000	-
	1.352.481.126.335	1.073.847.861.739

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tổng Công ty đã dùng khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng Citibank.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
PV KEEZ Pte. Ltd.	45.937.767.300	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn	10.011.000.000	10.011.000.000
	55.948.767.300	10.011.000.000

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 16 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty được phép liên doanh với 3 công ty nước ngoài thành lập công ty PV KEEZ PTE. LTD tại Singapore với mục đích cung cấp tàu chứa và xử lý dầu thô cho mỏ Chìm Sáo và Dừa. Tổng vốn đầu tư của dự án là 405 triệu đô la Mỹ, trong đó, vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 9 triệu đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã góp 2.389.343 đô la Mỹ.

Ngoài ra, Tổng Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu liên hợp Công nghiệp Dầu khí - Long Sơn với số tiền 10.011.000.000 đồng, tương ứng 1% vốn góp.

14. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn thể hiện khoản dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	104.546.957.719	118.948.949.601
Chi phí trả trước về công cụ dụng cụ	2.439.905.186	3.999.559.269
Chi phí dài hạn khác	2.934.834.261	321.649.500
	109.921.697.166	123.270.158.370



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VNĐ	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1/1/2009	2.120.105.616	874.752.047	2.994.857.663
Tính vào lợi nhuận trong năm	(1.553.210.338)	(874.752.047)	(2.427.962.385)
Tại ngày 31/12/2009	566.895.278	-	566.895.278
Tính vào lợi nhuận trong năm	130.965.267	-	130.965.267
Tại ngày 31/12/2010	697.860.545	-	697.860.545

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay ngắn hạn	236.839.320.000	251.760.337.177
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 19)	372.588.263.521	119.033.538.790
	609.427.583.521	370.793.875.967

Khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với số tiền là 12.510.000 đô la Mỹ. Đây là khoản vay vốn từ Petro Việt Nam được ủy thác qua Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Khoản vay này không có đảm bảo và được miễn chi phí lãi vay trong năm 2010. Khoản vay này được Tổng Công ty lên kế hoạch thanh toán trước ngày 15 tháng 4 năm 2011.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.170.326.381
Thuế khác	1.697.116.031	8.822.560.843
	1.697.116.031	10.992.887.224

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính với tổng hạn mức tín dụng là 93.637.190 đô la Mỹ và 15.697.500.000 yên Nhật (tương đương 183.973.519 đô la Mỹ). Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số phương tiện vận chuyển của Tổng Công ty và doanh thu về cước tàu của Công ty Thái Bình Dương và phần vốn góp của Tổng Công ty trong công ty này. Tổng Công ty phải chịu lãi tiền vay với mức lãi suất hàng năm từ 4,34% đến 6,68%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đang vay nợ với tổng số tiền là 127.732.855 đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 113.758.695 đô la Mỹ).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	372.588.263.521	119.033.538.790
Trong năm thứ hai	384.894.072.608	296.018.848.522
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	922.846.739.016	802.258.709.277
Sau năm năm	737.909.350.672	823.633.659.897
	2.418.238.425.817	2.040.944.756.486
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(372.588.263.521)</u>	<u>(119.033.538.790)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>2.045.650.162.296</u>	<u>1.921.911.217.696</u>

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2010	31/12/2009
Số lượng cổ phần được phép phát hành	232.600.000	147.600.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	232.600.000	147.600.000
Mệnh giá (đồng)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết số 03/VTĐK-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 9 năm 2009, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua việc phát hành thêm 85 triệu cổ phần, trong đó 81,18 triệu cổ phần cho cổ đông hiện hữu và 3,82 triệu cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Tổng Công ty. Việc phát hành thêm cổ phần của Tổng Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê chuẩn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty phát hành toàn bộ số cổ phần trên đây.

Chi tiết cổ phần sở hữu của các cổ đông lớn tại ngày khóa sổ như sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	<u>VNĐ</u>	<u>%</u>	<u>VNĐ</u>	<u>%</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.358.499.460.000	58,4	867.730.000.000	59
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam	<u>193.485.380.000</u>	<u>8,3</u>	<u>150.873.700.000</u>	<u>10</u>

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 1/1/2009	720.000.000.000	(28.496.010.262)	1.113.048.267	1.051.390.410	2.268.817	59.281.466.019	752.952.163.251
Tăng vốn trong năm	756.000.000.000	-	-	-	-	-	756.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	42.665.228.401	42.665.228.401
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	(25.753.834.183)	-	-	-	-	(25.753.834.183)
Phân phối quỹ	-	-	17.605.321.906	2.379.097.555	1.427.458.532	(23.790.975.548)	(2.379.097.555)
Giảm khác	-	-	-	-	(230.000.000)	-	(230.000.000)
Tại ngày 31/12/2009	1.476.000.000.000	(54.249.844.445)	18.718.370.173	3.430.487.965	1.199.727.349	78.155.718.872	1.523.254.459.914
Tăng vốn trong năm	850.000.000.000	-	-	-	-	-	850.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	9.597.309.423	9.597.309.423
Phân bổ vào kết quả kinh doanh	-	9.929.229.107	-	-	-	-	9.929.229.107
Chênh lệch tỉ giá đo đánh giá lại cuối năm	-	9.515.769.854	-	-	-	-	9.515.769.854
Phân phối quỹ	-	-	-	7.815.571.887	-	(11.837.357.831)	(4.021.785.944)
Giảm khác	-	-	-	-	(10.178.572)	-	(10.178.572)
Tại ngày 31/12/2010	2.326.000.000.000	(34.804.845.484)	18.718.370.173	11.246.059.852	1.189.548.777	75.915.670.464	2.398.264.803.782

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung các quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi của Tổng Công ty với số tiền tương ứng 7.815.571.887 đồng và 3.901.785.944 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010 thông qua ngày 21 tháng 5 năm 2010.

21. DOANH THU

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Dịch vụ vận tải	1.709.470.861.381	837.772.339.092
Dịch vụ kho nổi	184.273.843.479	62.845.433.616
Thương mại	29.535.970.833	63.235.347.278
Dịch vụ khác	375.363.252.671	158.338.730.818
	2.298.643.928.364	1.122.191.850.804

22. GIÁ VỐN

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Dịch vụ vận tải	1.567.496.731.409	759.852.131.543
Dịch vụ kho nổi	159.658.765.621	54.979.564.458
Thương mại	28.878.550.084	62.484.061.491
Dịch vụ khác	346.680.058.970	137.975.983.639
	2.102.714.106.084	1.015.291.741.131

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lãi tiền gửi, ủy thác đầu tư	58.575.509.240	19.313.280.721
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.667.258.033	16.172.241.661
Lợi nhuận được chia	10.422.064.000	5.460.770.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.600.000.000	-
	80.264.831.273	40.946.292.382

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền vay	37.490.223.333	32.137.605.095
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.249.486.980	25.869.651.460
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	41.962.380.391	5.310.435.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	97.559.162.770	4.320.735.849
	212.261.253.474	67.638.427.404

25. LỢI NHUẬN KHÁC

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	202.423.367.243	45.256.500
Thu nhập khác	3.194.681.054	11.115.032.499
	205.618.048.297	11.160.288.999
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(202.423.367.243)	-
Chi phí khác	(613.815.695)	-
	(203.037.182.938)	-
Lợi nhuận khác	2.580.865.359	11.160.288.999

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận trước thuế	9.622.679.756	54.256.396.993
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(9.569.450.000)	(17.660.907.164)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	572.112.644	57.335.000
Thu nhập chịu thuế	625.342.400	36.652.824.829
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	156.335.600	9.163.206.207

27. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2007, Tổng Công ty đã ký hợp đồng thiết kế và đóng mới 3 tàu chở dầu thô loại Aframax trọng tải 105.000 DWT với tổng giá trị cho một tàu là 63.841.000 đô la Mỹ với Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam và Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất, gọi tắt là bên Bán. Tổng Công ty đã thực hiện tạm ứng theo Hợp đồng cho bên Bán nhằm chuẩn bị cho việc đóng mới tàu số một. Tuy nhiên, do bên Bán không đảm bảo tiến độ đóng tàu, nên trong năm 2009, Tổng Công ty đã mua mới một tàu trong năm 2009 và chỉ đóng mới 2 tàu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, việc đóng mới hai con tàu vẫn chưa hoàn tất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>188.380.116.087</u>	<u>31.748.677.792</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	94.359.482.416	72.083.934.504
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	344.682.357.376	191.912.363.294
Sau năm năm	286.930.892.976	-
	<u>725.972.732.768</u>	<u>263.996.297.798</u>

Thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng của Tổng Công ty và thuê tàu. Các hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn năm năm, hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn mười năm.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Dịch vụ cung cấp		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	431.507.701.050	151.558.416.199
Ban quản lý Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	533.477.147.088	514.020.818.309
Công ty Dầu khí Đại Hùng	199.220.808.597	-
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	681.173.198.159	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam	135.610.501.373	73.441.846.005
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	155.572.937.328	52.279.676.379
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	7.945.808.660	16.129.060.626
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	15.245.572.673	-
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	431.721.819	-
Chi phí lãi vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	<u>4.611.135.765</u>	<u>1.014.653.000</u>
Cổ tức nhận được		
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	<u>8.968.790.000</u>	<u>4.760.000.000</u>
Góp vốn trong năm		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	490.769.460.000	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	<u>42.611.680.000</u>	<u>-</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lương	3.152.387.809	2.850.656.043
Thưởng	1.343.523.000	229.149.095
	4.495.910.809	3.079.805.138

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	300.789.998.071	320.504.916.979
Phải thu thương mại		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	57.571.391.637	80.262.679.985
Ban quản lý Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	-	103.092.422.402
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	199.658.077.561	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam	149.585.835.134	32.467.821.307
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	175.641.953.645	25.195.265.683
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	2.662.719.068	12.280.481.631
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	14.862.948.753	-
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	62.994.000	-
Phải thu khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	17.625.828.285	41.353.108
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	4.940.233.333
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam	89.270.418.815	66.187.771.334
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	1.722.380.192.226	1.490.325.040.968
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	153.606.553.128	167.028.850.708
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	177.484.466.466	56.685.157
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	118.180.087	-
Phải trả thương mại		
Ban quản lý Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	12.025.089.399	11.452.696.673
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	36.522.909.307	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam	56.648.453.191	20.967.794.987
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	356.397.844.045	199.797.864.570
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	18.465.861.608	25.167.856.062
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	36.581.151.213	638.384.996
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	14.107.500.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long	6.378.823.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	11.178.629.080	25.159.863.547



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Phải trả khác

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	-	500.000.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	4.527.874.036	2.240.526.445
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	7.160.882.277	6.705.342.216
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam	42.715.226.463	10.504.271.605
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	5.134.884.227	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.132.429.776	373.585.348
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	2.702.190.972	-

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã công bố tăng tỷ giá bình quân liên ngân hàng từ 18.932 đồng/đô la Mỹ lên 20.693 đồng/đô la Mỹ, tương ứng tăng 9,3%. Bên cạnh đó, giá xăng đã hai lần tăng từ 16.400 đồng lên 21.300 đồng từ ngày 24 tháng 2 năm 2011 đến ngày 29 tháng 3 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá việc thay đổi tỷ giá và giá xăng này không gây ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình hoạt động của Tổng Công ty vì giá cước dịch vụ của Tổng Công ty được xác định bằng đô la Mỹ và Tổng Công ty cũng đang đàm phán tăng giá cước theo tỷ lệ tăng phí xăng dầu.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, chi tiết như sau:

Tài khoản ảnh hưởng	Mã số	Trước khi phân loại lại VNĐ	Sau khi phân loại lại VNĐ	Chênh lệch VNĐ
TÀI SẢN				
Các khoản phải thu khác	135	1.751.202.535.796	149.024.961.311	(1.602.177.574.485)
Phải thu dài hạn khác	218	-	1.602.177.574.485	1.602.177.574.485



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng